TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Ái Vân

Bà Lâm Thị Vèn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Nam Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng *7* năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, về *việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, nợ chung vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1983. Nơi ĐKHKTT: Khối phố Trần Hưng Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Làng G, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn K, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khối phố Trần Hưng Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có lý do.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T. Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có lý do.

2. Bà Hoàng Thị Luyến, sinh năm 1944. Địa chỉ: Khối phố Trần Hưng Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân chị Nguyễn Thị K và anh Hà Văn K tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 21/10/2002. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2011, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị Kỳ đi làm thuê tại thành phố Hà Nội. Từ đó, hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh Hà Văn K nghi ngờ chị đi làm đĩ kiếm sống. Chị Nguyễn Thị K bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Làng Gxã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sống và sống ly thân từ năm 2012 đến nay không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hòa hợp được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn K; Về tài sản chung vợ chồng: Không có; Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Hoàng Hà Minh Đ, sinh ngày 24/7/2003, hiện nay cháu học lớp 12 trường trung học phổ thông huyện B, do anh Hà Văn K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị K không nhận quyền nuôi con, yêu cầu anh Hà Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị K không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

Về nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị K khai năm 2013, anh Hà Văn K có vay nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền này chị Nguyễn Thị K không biết và hiện nay anh Hà Văn K đã trả toàn bộ. Đối với khoản tiền anh Hà Văn K có vay nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B số tiền là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay đã ký năm 2018, chỉ có tên anh Hà Văn K và bà Hoàng Thị Lký trong giấy ủy quyền vay tiền, không có tên chị Nguyễn Thị K. Do vậy, chị xác định đây là nợ riêng của anh Hà Văn K và yêu cầu anh Hà Văn K phải chịu trách nhiệm với khoản nợ này. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K thay đổi quan điểm và xác nhận khoản vay nợ tại Ngân hàng năm 2018 với số tiền 20.000.000 đồng là nợ chung vợ chồng, xác nhận khoản nợ này không liên quan đến bà Hoàng Thị Lvà đồng ý chịu trách nhiệm trả 1/2 tiền nợ gốc và tiền lãi tương ứng theo hợp đồng vay đã ký. Yêu cầu anh Hà Văn K phải trả 1/2 số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi tương ứng.

Bị đơn Hà Văn K tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020, 13/7/2020, trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị K được tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 21/10/2002. Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2010 thì anh đi xuất khẩu lao động tại LiBi thì chị Nguyễn Thị K tự bỏ về bên nhà mẹ đẻ, sau đó anh về nước có sang đón nhưng chị Nguyễn Thị K không về. Xác nhận hai vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Do tình cảm không còn, anh Hà Văn K đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K. Anh Hà Văn K đồng ý nhận quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Hà Minh Đ, sinh ngày 20/7/2003 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Nguyễn Thị K cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung vợ chồng: Không có; Về nợ chung vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng, khoảng năm 2012, có vay tại Ngân hàng chính sách – Phòng giao

dịch huyện B số tiền là 20.000.000 đồng. Khi vay về anh Hà Văn K được tiêu 6.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị K đã tiêu hết số tiền còn lại. Đến năm 2018, do đến hạn trả nợ nên anh Hà Văn K đã tiếp tục đứng tên vay tại Ngân hàng chính sách – Phòng giao dịch huyện B số tiền là 20.000.000 đồng để đảo nợ. Xác nhận số tiền vay năm 2012 đã thanh toán hết, hiện còn nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay đã ký năm 2018. Khoản vay nợ này là để đảo nợ cũ nên vẫn là nợ chung vợ chồng, khoản nợ này không liên quan đến bà Hoàng Thị Luyến. Khi ly hôn anh Hà Văn K yêu cầu chị Nguyễn Thị K cùng có trách nhiệm mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2 số nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay đã ký năm 2018. Anh Hà Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Ltại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 7 năm 2020 trình bày quan điểm: Nhất trí với toàn bộ nội dung vụ án, không yêu cầu hòa giải lại, nhất trí với quan điểm của bị đơn Hà Văn K, số tiền 20.000.000 đồng vay năm 2018 là để đảo nợ vay năm 2013. Số tiền vay năm 2013, vay về làm gì bà không biết do vợ chồng Hà Văn K và Nguyễn Thị K tự sử dụng. Nay bà không liên quan đến khoản vay nợ này. Nhất trí với quan điểm của anh Hà Văn K yêu cầu chị Nguyễn Thị K, anh Hà Văn K mỗi người có trách nhiệm trả 1/2 số nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay đã ký năm 2018. Bà Hoàng Thị Lcó đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T có văn bản ủy quyền và công văn trình bày quan điểm: Ngày 26/12/2013 anh Hà Văn K có đứng tên vay số tiền là 20.000.000 đồng theo trương trình hỗ trợ việc làm, duy trì mở rộng việc làm. Đến ngày 15/5/2018 đã trả khoản vay này. Ngày 15/5/2018, anh Hà Văn K tiếp tục đứng tên vay khoản vay 20.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay 6600000712816446 theo diện vay hộ nghèo. Ngân hàng chính sách vay theo diện hộ gia đình, không phải cho vay cá nhân. Hai khoản vay này là độc lập, không phải là đảo nợ. Hồ sơ vay nợ năm 2018 có giấy ủy quyền ghi thành viên hộ gia đình là Hà Văn K và Hoàng Thị Luyến. Ngân hàng có quan điểm đề nghị giải quyết theo sự thỏa thuận giữ anh Hà Văn K và chị Nguyễn Thị K. Đại diện ngân hàng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 27, 51, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị K yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn K, yêu cầu giải quyết tranh chấp nuôi con chung, nợ chung vợ chồng. Do đó đây là tranh chấp hôn nhân gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện B thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Hà Văn K, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Luyến, Đại diện ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Theo quy định tại khoản 1, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Hà Văn K có đăng ký kết hôn theo quy định, kết hôn tự nguyện. Tuy nhiên hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc, sống ly thân từ năm 2012 đến nay được một thời gian dài không quan tâm tới nhau. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị K và anh Hà Văn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự đã có văn bản trình bày quan điểm đồng ý ly hôn. Do vậy theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Nguyễn Thị K ly hôn với anh Hà Văn K.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị K và anh Hà Văn K đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Hoàng Hà Minh Đ, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2003 hiện nay do anh Hà Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều nhất trí khi ly hôn anh Hà Văn K là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị K không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở. Tại biên bản lấy lời khai con chung Hoàng Hà Minh Đ có quan điểm mong muốn được ở với anh Hà Văn K để tiện cho việc học tập sinh hoạt. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho anh Hà Văn K nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị K không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở là hợp lý.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị K và anh Hà Văn K đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung vợ chồng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nhận thấy, Tại biên bản lấy lời khai anh Hà Văn K cho rằng có khoản nợ tại Ngân hàng năm 2012 đã trả và hiện còn khoản nợ năm 2018. Tuy nhiên, văn bản của Ngân hàng xác nhận, từ năm 2012 đến nay, anh Hà Văn K có 02 khoản vay nợ tại

Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh huyện B, ngày 16/12/2013, vay số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền này đã được anh Hà Văn K trả ngày 15/5/2018. Sau khi trả nợ xong, anh Hà Văn K tiếp tục vay nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách – Phòng giao dịch huyện B số tiền là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay đã ký mã món vay 6600000712816446 ngày 15/5/2018, có tên bà Hoàng Thị L ký trong giấy ủy quyền vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án anh Hà Văn K xác định khoản nợ 20.000.000 đồng năm 2018 là nợ chung vợ chồng do là đảo nợ cũ, khoản nợ này không liên quan đến bà Hoàng Thị Luyến, yêu cầu hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm mỗi người trả 1/2 nợ gốc và tiền lãi tương ứng theo hợp đồng vay đã ký. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị K xác nhận khoản nợ 2018 là nợ chung vợ chồng, xác nhận khoản vay nợ này không liên quan đến bà Hoàng Thị Lvà đồng ý anh Hà Văn K và chị Nguyễn Thị K mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ gốc và tiền lãi tương ứng với số nợ gốc phải trả theo hợp đồng vay đã ký là đồng nhất với quan điểm của anh Hà Văn K. Đồng thời, Ngân hàng có văn bản nêu quan điểm yêu cầu giải quyết khoản vay nợ theo sự thỏa thuận của anh Hà Văn K và chị Nguyễn Thị K. Do nguyên đơn tự thừa nhận nợ chung vợ chồng và nghĩa vụ trả nợ như trình bày của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh nên có căn cứ xác định khoản vay nợ 20.000.000 đồng theo hợp đồng vay đã ký mã món vay 6600000712816446 ngày 15/5/2018 là khoản nợ chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị K và anh Hà Văn K, xác định khoản vay nợ này không liên quan đến bà Hoàng Thị L. Việc buộc chị Nguyễn Thị K, anh Hà Văn K mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ gốc và tiền lãi tương ứng với số nợ gốc phải trả, thời gian trả nợ theo hợp đồng vay đã ký với Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện B, mã món vay 6600000712816446 ngày 15/5/2018 là có căn cứ.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; các Điều 27, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Hà Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Hà Minh Đ, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2003 cho anh Hà Văn K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại

thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về nợ chung vợ chồng:

Buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu trách nhiệm trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tương ứng với số nợ gốc chị Nguyễn Thị K phải trả và thời hạn trả nợ theo hợp đồng mã món vay 6600000712816446 ngày 15/5/2018 tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B.

Buộc Hà Văn K phải chịu trách nhiệm trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tương ứng với số nợ gốc anh Hà Văn K phải trả và thời hạn trả nợ theo hợp đồng mã món vay 6600000712816446 ngày 15/5/2018 tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn), xác nhận chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ theo biên lai thu số AA/2015/000076 ngày 22/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H. Bình Gia;
- Chi cục THADS H. Bình Gia;
- UBND thị trấn B
(Nơi kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Khi